

Số: 417 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3493/TTr-STP ngày 22/12/2021 và Tờ trình số 82/TTr-STP ngày 11/01/2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này 192 thủ tục, gồm 110 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền cấp Thành phố; 31 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện; 37 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã; 11 thủ tục hành chính liên thông với Bộ Tư pháp; 03 thủ tục hành chính liên thông giữa các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố.

*(Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).*

**Điều 2.** Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế các Quyết định của Chủ tịch UBND Thành phố: Số 7221/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về việc phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Thành phố và quy trình liên thông giữa Sở Tư pháp và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội; số 805/QĐ-UBND ngày 19/02/2020 về việc phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã và thủ tục hành chính liên thông giữa cấp xã và cấp huyện trên địa bàn thành phố Hà Nội.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Sở TT&TT, Công giao tiếp điện tử TP;
- VP UBTP: CVP, PCVP V.T.Anh, các phòng: KGVX, THCB, KSTTH,
- Lưu: VT, STP, KSTTHC(Đg).

2229 - 4  
77520

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Sơn**

1122

1122



## Phụ lục

# DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~447~~ /QĐ-UBND  
ngày ~~27~~ /01/2022 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội)

TT		Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
A		<b>Quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Thành phố</b>	
I.		<b>Lĩnh vực Luật sư</b>	
1.	1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	QT- 01
2.	2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	QT-02
3.	3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	QT-03
4.	4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	QT-04
5.	5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	QT-05
6.	6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	QT- 06
7.	7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	QT- 07
8.	8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	QT- 08
9.	9	Hợp nhất công ty luật	QT-09
10.	10	Sáp nhập công ty luật	QT-10
11.	11	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh	QT-11
12.	12	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	QT-12

TT		Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
13.	13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	QT-13
14.	14	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	QT-14
<b>II.</b>		<b>Lĩnh vực Công chứng</b>	
15.	1	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	QT-15
16.	2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT-16
17.	3	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	QT-17
18.	4	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	QT-18
19.	5	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	QT-19
20.	6	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	QT-20
21.	7	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	QT-21
22.	8	Cấp lại Thẻ công chứng viên	QT-22
23.	9	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trong trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	QT-23
24.	10	Thành lập Văn phòng công chứng	QT-24
25.	11	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	QT-25
26.	12	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	QT-26
27.	13	Hợp nhất Văn phòng công chứng	QT-27
28.	14	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	QT-28
29.	15	Sáp nhập Văn phòng công chứng	QT-29

TT		Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
30.	16	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	QT-30
31.	17	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	QT-31
32.	18	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	QT-32
33.	19	Thành lập Hội công chứng viên	QT-33
<b>III.</b>		<b><i>Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý</i></b>	
34.	1	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	QT-34
35.	2	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QT-35
36.	3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QT-36
37.	4	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QT-37
38.	5	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	QT-38
39.	6	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	QT-39
<b>IV.</b>		<b><i>Lĩnh vực Trọng tài thương mại</i></b>	
40.	1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	QT-40
41.	2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	QT-41
42.	3	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT-42
43.	4	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố	QT-43

TT		Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
		trực thuộc trung ương	
44.	5	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	QT-44
45.	6	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	QT-45
V.		<b><i>Lĩnh vực Thừa phát lại</i></b>	
46.	1	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	QT-46
47.	2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	QT-47
48.	3	Đăng ký hành nghề và cấp thẻ Thừa phát lại	QT-48
49.	4	Cấp lại thẻ Thừa phát lại	QT-49
50.	5	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	QT-50
51.	6	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	QT-51
52.	7	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	QT-52
53.	8	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	QT-53
54.	9	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	QT-54
55.	10	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	QT-55
56.	11	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	QT-56
57.	12	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	QT-57
58.	13	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	QT-58

TT	Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
<b>VI.</b>	<b><i>Lĩnh vực Tư vấn pháp luật</i></b>	
59.	1 Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	QT-59
60.	2 Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	QT-60
61.	3 Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	QT-61
62.	4 Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	QT-62
63.	5 Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	QT-63
64.	6 Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	QT-64
<b>VII.</b>	<b><i>Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản</i></b>	
65.	1 Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT-65
66.	2 Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	QT-66
67.	3 Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT-67
68.	4 Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	QT-68
69.	5 Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	QT-69
<b>VIII.</b>	<b><i>Lĩnh vực Đấu giá tài sản</i></b>	
70.	1 Cấp Thẻ đấu giá viên	QT-70
71.	2 Cấp lại Thẻ đấu giá viên	QT-71
72.	3 Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT-72
73.	4 Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT-73



TT		Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
74.	5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT-74
75.	6	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	QT-75
76.	7	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	QT-76
77.	8	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	QT-77
<b>IX.</b>		<b><i>Lĩnh vực Hòa giải thương mại</i></b>	
78.	1	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	QT-78
79.	2	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	QT-79
80.	3	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	QT-80
81.	4	Đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	QT-81
82.	5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	QT-82
83.	6	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	QT-83
84.	7	Đăng ký hoạt động chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	QT-84
85.	8	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	QT-85

TT		Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
86.	9	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	QT-86
<b>X.</b>		<b><i>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</i></b>	
87.	1	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng	QT-87
88.	2	Quy trình về giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dưỡng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi	QT-88
89.	3	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	QT-89
90.	4	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT-90
<b>XI.</b>		<b><i>Lĩnh vực Hộ tịch</i></b>	
91.	1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-91
<b>XII.</b>		<b><i>Lĩnh vực Quốc tịch</i></b>	
92.	1	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	QT-92
93.	2	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-93
94.	3	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-94
95.	4	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	QT-95
96.	5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	QT-96
<b>XIII.</b>		<b><i>Lĩnh vực Lý lịch tư pháp</i></b>	

TT		Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
97.	1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	QT-97
98.	2	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam)	QT-98
99.	3	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	QT-99
<b>XIV</b>		<b><i>Lĩnh vực Giám định tư pháp</i></b>	
100.	1	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	QT-100
101.	2	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	QT-101
102.	3	Cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp	QT-102
103.	4	Đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	QT-103
104.	5	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	QT-104
105.	6	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	QT-105
106.	7	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp	QT-106
107.	8	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	QT-107
<b>XV</b>		<b><i>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</i></b>	
108.	1	Xác định cơ quan giải quyết bồi thường	QT-109
109.	2	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-110
110.	3	Phục hồi danh dự	QT-111
<b>B.</b>		<b>Quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện</b>	

TT		Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
<i>I.</i>		<i>Lĩnh vực Hộ tịch</i>	
111.	1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-QH-01
112.	2	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-QH-02
113.	3	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-QH-03
114.	4	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-QH-04
115.	5	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-QH-05
116.	6	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT-QH-06
117.	7	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-QH-07
118.	8	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT-QH-08
119.	9	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT-QH-09
120.	10	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-QH-10
121.	11	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-QH-11
122.	12	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT-QH-12
123.	13	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT-QH-13
124.	14	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-QH-14
125.	15	Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT-QH-15
126.	16	Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT-QH-16

TT		Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
<b>II.</b>		<b>Lĩnh vực Chứng thực</b>	
127.	1	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-QH-17
128.	2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-QH-18
129.	3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT-QH-19
130.	4	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-QH-20
131.	5	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-QH-21
132.	6	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-QH-22
133.	7	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-QH-23
134.	8	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT-QH-24
135.	9	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT-QH-25
136.	10	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT-QH-26
137.	11	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT-QH-27
138.	12	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT-QH-28
<b>III.</b>		<b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>	
139.	1	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT-QH-29
<b>IV.</b>		<b>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>	
140.	1	Phục hồi danh dự	QT-QH-30

TT		Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
141.	2	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-QH-31
<b>C.</b>		<b>Quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã</b>	
<b>I.</b>		<b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>	
142.	1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT-XP-01
143.	2	Đăng ký khai sinh	QT-XP-02
144.	3	Đăng ký kết hôn	QT-XP-03
145.	4	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-XP-04
146.	5	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT-XP-05
147.	6	Đăng ký khai tử	QT-XP-06
148.	7	Đăng ký khai sinh lưu động	QT-XP-07
149.	8	Đăng ký kết hôn lưu động	QT-XP-08
150.	9	Đăng ký khai tử lưu động	QT-XP-09
151.	10	Đăng ký giám hộ	QT-XP-10
152.	11	Đăng ký chấm dứt giám hộ	QT-XP-11
153.	12	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QT-XP-12
154.	13	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT-XP-13
155.	14	Đăng ký lại khai sinh	QT-XP-14
156.	15	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT-XP-15

<b>TT</b>		<b>Tên quy trình nội bộ</b>	<b>Ký hiệu</b>
157.	16	Đăng ký lại kết hôn	QT-XP-16
158.	17	Đăng ký lại khai tử	QT-XP-17
<b>II.</b>		<b><i>Lĩnh vực Chứng thực</i></b>	
159.	1	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT-XP-18
160.	2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT-XP-19
161.	3	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT-XP-20
162.	4	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT-XP-21
163.	5	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT-XP-22
164.	6	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT-XP-23
165.	7	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	QT-XP-24
166.	8	Chứng thực di chúc	QT-XP-25
167.	9	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT-XP-26
168.	10	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-XP-27
169.	11	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT-XP-28
<b>III.</b>		<b><i>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</i></b>	
170.	1	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT-XP-29
171.	2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT-XP-30
<b>IV</b>		<b><i>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</i></b>	

<b>TT</b>		<b>Tên quy trình nội bộ</b>	<b>Ký hiệu</b>
172.	1	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT-XP-31
<b>V</b>		<b><i>Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật</i></b>	
173.	1	Công nhận tuyên truyền viên PL	QT-XP-32
174.	2	Cho thôi làm tuyên truyền viên PL	QT-XP-33
<b>VI</b>		<b><i>Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở</i></b>	
175.	1	Công nhận hòa giải viên	QT-XP-34
176.	2	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	QT-XP-35
177.	3	Thôi làm hòa giải viên	QT-XP-36
178.	4	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT-XP-37
<b>D.</b>		<b>Quy trình giải quyết thủ tục hành chính liên thông</b>	
<b>I.</b>		<b><i>Lĩnh vực Luật sư</i></b>	
179.	1	Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	QTLT-BTP-01
180.	2	Cấp chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	QTLT-BTP-02
181.	3	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	QTLT-BTP-03
182.	4	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	QTLT-BTP-04
<b>II.</b>		<b><i>Lĩnh vực Đấu giá tài sản</i></b>	
183.	1	Thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá trong trường hợp thôi hành nghề theo nguyện vọng	QTLT-BTP-05
<b>III.</b>		<b><i>Lĩnh vực Thừa phát lại</i></b>	



TT		Tên quy trình nội bộ	Ký hiệu
184.	1	Bỏ nhiệm Thừa phát lại	QTLT-BTP-06
185.	2	Miễn nhiệm Thừa phát lại (trường hợp được miễn nhiệm)	QTLT-BTP-07
186.	3	Bỏ nhiệm lại Thừa phát lại	QTLT-BTP-08
<b>IV.</b>		<b>Lĩnh vực Công chứng</b>	
187.	1	Bỏ nhiệm công chứng viên	QTLT-BTP-09
188.	2	Bỏ nhiệm lại công chứng viên	QTLT-BTP-10
189.	3	Miễn nhiệm công chứng viên	QTLT-BTP-11
<b>V.</b>		<b>Lĩnh vực Lý lịch tư pháp</b>	
190.	1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp liên thông với Sở Lao động thương binh và xã hội	QT-LT
<b>VI.</b>		<b>Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở</b>	
191.	1	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT-LT-01
<b>VII.</b>		<b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>	
192.	1	Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng, chăm sóc có đăng ký thường trú trên địa bàn cấp huyện)	QT-LT-02
		Đăng ký khai sinh – Đăng ký thường trú – Cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi (trường hợp trẻ có cha/mẹ hoặc người nuôi dưỡng, chăm sóc không có đăng ký thường trú mà chỉ có đăng ký tạm trú trên địa bàn cấp huyện)	QT-LT-03